TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 5 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Thắng.

2. Ông Võ Văn Thỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Lý Thị T trình bày:

Chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22-7-2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới về sống chung với nhau thì vợ chồng hạnh phúc. Về sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2020. Trong thời gian chung sống, chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 có 03 con chung là cháu Trần Gia T2, sinh ngày 30-4-2011, cháu Trần Kiều H, sinh ngày 21-8-2012 và cháu Trần Thị Kiều T3, sinh ngày 23-7-2018. Hiện nay 03 cháu T2, H và T3 đều đang sống chung với chị Lý Thị T.

Theo đơn khởi kiện, chị Lý Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T1;

- Về con chung: Yêu cầu giao 03 con chung là cháu Trần Gia T2, sinh ngày 30-4-2011, cháu Trần Kiều H, sinh ngày 21-8-2012 và cháu Trần Thị Kiều T3, sinh ngày 23-7-2018 cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Yêu cầu anh Trần Văn T1 cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Không có, chị T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện ngày 29-3-2023 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị Lý Thị T rút lại phần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn T1:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp các Tờ nguyện vọng của cháu Trần Gia T2, Trần Kiều H đề ngày 12-8-2020 thể hiện việc các cháu biết việc cha mẹ ly hôn với nhau và khi cha mẹ ly hôn, 02 cháu đều có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Lý Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn Trần Văn T1, đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Ngày 29-3-2023, chị Lý Thị T có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Trần Văn T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về việc giao con

cho vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn có liên quan mật thiết và phải được giải quyết cùng với yêu cầu về việc giao con cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, HĐXX xác định đây là trường hợp nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và việc thay đổi này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn Lý Thị T và bị đơn Trần Văn T1 đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22-7-2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

[5] Về căn cứ ly hôn: Theo nguyên đơn trình bày, do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau, đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Mặc dù chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho ly hôn nhưng trên thực tế chị T và anh T1 đã ly thân; nghĩa là mỗi người đã ở một nơi và đều ổn định cuộc sống riêng của mình. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng đã không còn do họ không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình kể từ thời điểm ly thân. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp có vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho họ được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn: Chị T và anh T1 có có 03 con chung là cháu Trần Gia T2, sinh ngày 30-4-2011, cháu Trần Kiều H, sinh ngày 21-8-2012 và cháu Trần Thị Kiều T3, sinh ngày 23-7-2018, hiện nay các con chung đều đang sống chung với chị T. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu T2 và cháu H có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ, cháu T3 là bé gái, dưới 07 tuổi nên chưa thể hiện nguyện vọng của mình trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cả 03 con chung của chị T và anh T1 đều đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm gắn bó với mẹ, điều kiện sống và học tập đảm bảo.

[7] Mặt khác, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T1 biết về yêu cầu khởi kiện của chị T trong đó có yêu cầu về việc giao 03 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh T1 không có ý kiến phản đối hay đưa ra yêu cầu nào khác về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao 03 con chung là cháu Trần Gia T2, sinh ngày 30-4-2011, cháu Trần Kiều H, sinh ngày 21-8-2012 và cháu Trần Thị Kiều T3, sinh ngày 23-7-2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Trần Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[10] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Trần Văn T1 được ly hôn.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Trần Gia T2, sinh ngày 30-4-2011, cháu Trần Kiều H, sinh ngày 21-8-2012 và cháu Trần Thị Kiều T3, sinh ngày 23-7-2018 cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Lý Thị T về việc không yêu cầu bị đơn Trần Văn T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không ai có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lý Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007330 ngày 13-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Lịch Hội Thượng, H.Trần Đề;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm